

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYỀN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 22/9/2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYỀN**

- **Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lâm Thị Tám

2. Ông Lê Minh Trí

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Tô Văn Đăng - Thư ký Toà án.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên tham gia phiên tòa:**

Ông Đoàn Văn Khải – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 192/2020/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2020/QĐST - HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 140/2020/QĐST – HNGĐ ngày 03/9/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1986. (có mặt)

Địa chỉ: Số 155 ấp Tiên P, xã Vĩnh T, huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G.

Bị đơn: Ông **Châu Hiền S**, sinh năm 1980. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 132 đường Phan Bội Châu, ấp Hòa M, thị trấn Mỹ X, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 08/6/2020, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày: Bà Nguyễn Thị D và ông Châu Hiền S kết hôn vào năm 2004 có đăng ký kết hôn ngày 02/11/2004 tại UBND thị trấn Mỹ Xuyên, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được hơn 05 năm đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm. Đến năm 2010 vợ chồng không còn sống chung cho đến nay. Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Châu Thành L, sinh ngày 17/12/2006 hiện đang sống với chung với bà. Nay bà Nguyễn Thị D yêu cầu được ly hôn với ông Châu Hiền S.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị D yêu cầu tiếp tục được nuôi con chung tên Châu Thành L, sinh ngày 17/12/2006 đến tuổi trưởng thành.

- Về cấp dưỡng: Bà Nguyễn Thị D không yêu cầu ông Châu Hiền S cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn ông Châu Hiền S:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã cấp, tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho ông Châu Hiền S theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng ông Châu Hiền S không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án biết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông S cũng không đến Tòa án để tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không đến tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm.

- Tại biên bản lấy lời khai khai 14/7/2020 con chung trên 07 tuổi Châu Thành L, sinh ngày 17/12/2006 trình bày: Khi cha mẹ cháu không còn sống chung nữa, nguyện vọng của cháu xin được sống với mẹ.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn ông Châu Hiền S đã được cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai nhưng ông S vẫn vắng mặt không có lý do, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Châu Hiền S.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Áp dụng khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị D; Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị D được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Châu Thành L, sinh ngày 17/12/2006 (theo nguyện vọng của cháu L); Ông Châu Hiền S được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở; Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị D không yêu cầu nên không đặt ra xem xét; Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Bị đơn, ông Châu Hiền S đã được cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai, nhưng ông S vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Châu Hiền S.

Về nội dung:

[1] Vụ kiện của bà Nguyễn Thị D và ông Châu Hiền S là loại kiện hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bà Nguyễn Thị D và ông Châu Hiền S kết hôn năm 2004 có đăng ký kết hôn ngày 02/11/2004 tại UBND thị trấn Mỹ Xuyên, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị D và ông Châu Hiền S là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa hôm nay, bà D vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông S, vì kể từ năm 2010 đến nay bà và ông S không còn sống chung, không còn quan tâm nhau, bà không còn tình cảm với ông S, kể từ khi bà gửi đơn yêu cầu ly hôn đến Tòa án, bà và ông S không còn liên hệ với nhau, giữa bà và ông S không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn xảy ra vào tháng 05 năm 2009, đã hơn 10 năm nay hai bên vẫn không có thiện chí tìm cách hàn gắn đoàn tụ. Từ đó tình cảm vợ chồng đã phai nhạt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân giữa bà D và ông S không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn khởi kiện về việc ly hôn của bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị D được ly hôn với ông Châu Hiền S.

[2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị D và ông Châu Hiền S có 01 người con, tên Châu Thành L, sinh ngày 17/12/2006 hiện nay con chung đang sống với bà D. Bà D yêu cầu được quyền nuôi con, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, khi bà D và ông S không còn chung sống với nhau cháu Châu Thành L, sinh ngày 17/12/2006 vẫn do bà D trực tiếp nuôi dưỡng, để đảm bảo cuộc sống của cháu Châu Thành L, sinh ngày 17/12/2006. Ngoài ra tại biên bản lấy khai ngày 14/7/2020 cháu Châu Thành L, sinh ngày 17/12/2006 có nguyện vọng sống với mẹ. Nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của luật hôn nhân và gia đình giao cho bà Nguyễn Thị D được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Châu Thành L, sinh ngày 17/12/2006 đến tuổi trưởng thành.

Ông Châu Hiền S được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị D không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị D trình bày không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm theo định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Áp dụng khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D được quyền ly hôn với ông Châu Hiền Sỹ.

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị D được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Châu Thành L, sinh ngày 17/12/2006 (theo nguyện vọng của cháu L) đến tuổi trưởng thành.

3. Ông Châu Hiền S được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

4. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị D không yêu cầu nên không đặt ra xem xét

5. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

6. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

7. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005435 ngày 11/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên. Như vậy, bà D đã nộp xong.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị đơn ông Châu Hiền S thì thời gian kháng cáo nêu trên được tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án để xin Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Phòng KTNV&THA –TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND thị trấn Mỹ Xuyên, huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Thanh Tùng